

Số: 74 /2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại
và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính;

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính áp dụng cho giai đoạn 2016- 2020.

2. Phí cho vay lại là khoản phí người vay lại phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

3. Phí bảo lãnh là phần Bộ Tài chính được trích theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16/02/2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại.
2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại.
3. Các đơn vị tham gia trực tiếp vào hoạt động quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 4 Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sử dụng phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi là Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016) và các đơn vị có thành tích đóng góp trực tiếp cho hoạt động quản lý nợ công quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016.

Điều 3. Phân bổ kinh phí thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh

Số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được phân bổ như sau:

1. Trích 40% số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư này để đưa vào Quỹ Tích lũy trả nợ.
2. Số tiền 60% còn lại được sử dụng để bổ sung kinh phí hoạt động của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (ngoài phần ngân sách nhà nước cấp đảm bảo hoạt động thường xuyên theo quy định hiện hành) cho các nội dung chi quy định tại Điều 4 Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016.
3. Việc xác định kinh phí để giao thực hiện tự chủ đối với nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014).

Điều 4. Nội dung chi từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại

1. Chi tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công, bao gồm:
 - a) Xây dựng, duy trì, nâng cấp cơ sở dữ liệu nợ công và các phần mềm phục vụ quản lý nợ công và quản lý viện trợ không hoàn lại;

b) Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại; xây dựng, duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử về quản lý nợ công; xuất bản Bản tin nợ công (bao gồm cả xây dựng, duy trì việc phát hành Bản tin nợ công) và các ấn phẩm có liên quan đến công tác quản lý nợ công;

c) Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý nợ công và quản lý viện trợ không hoàn lại tại Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại và Bộ Tài chính;

d) Các hoạt động nghiệp vụ quản lý nợ công, bao gồm:

- Chi cho hoạt động hỗ trợ thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại, bao gồm: Thuê chuyên gia tư vấn pháp luật; thuê tổ chức trong và ngoài nước thực hiện tư vấn và cung cấp dịch vụ phục vụ nghiệp vụ quản lý nợ công; chi xây dựng và thực hiện các nghiệp vụ quản lý nợ công.

- Chi cho hoạt động tư vấn và hỗ trợ pháp lý đối với công tác quản lý nợ công, bao gồm: Thuê chuyên gia, tổ chức trong và ngoài nước thực hiện tư vấn pháp luật về nội dung của hợp đồng vay, thỏa thuận phát hành trái phiếu, thư bảo lãnh.

- Chi hỗ trợ hoạt động thẩm định và cấp ý kiến pháp lý đối với khoản vay nước ngoài hoặc hợp đồng vay có bảo lãnh của Chính phủ với quy mô lớn, tác động rộng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều cơ quan, đơn vị tham gia theo đề nghị của cơ quan chủ trì cấp ý kiến pháp lý được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định: Chi hội nghị, hội thảo, chi thuê chuyên gia, chi phiên dịch, biên dịch tài liệu nước ngoài.

- Chi hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại.

- Chi kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý, giám sát.

- Chi tổ chức hội thảo, hội nghị trong nước và nước ngoài về quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại.

- Chi tổ chức đoàn nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm ở trong nước và nước ngoài về công tác quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại.

- Chi đào tạo ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các kiến thức, kỹ năng khác có liên quan phục vụ công tác quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại (bao gồm cả đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ở nước ngoài) của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại.

- Chi hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các chuyên đề, đề án cơ chế chính sách và chuyên môn về quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại (bao gồm cả mua sách báo, ấn phẩm và các tài liệu khác phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện các chuyên đề, đề án).

- Chi thực hiện nghiệp vụ quản lý nợ công khác theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công.

đ) Bổ sung tiền lương hàng tháng tối đa không quá 01 lần mức lương do Nhà nước quy định đối với cán bộ, công chức (lương ngạch, bậc và các loại phụ cấp, trừ chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ). Nội dung chi này sẽ chấm dứt khi thực hiện chế độ tiền lương mới.

2. Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có thành tích đóng góp trực tiếp cho hoạt động quản lý nợ công: Tối đa một tháng tiền lương thực tế trong năm của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, bao gồm: Lương ngạch, bậc, các loại phụ cấp (trừ chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ), tiền lương bổ sung quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 4 Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 và thu nhập bổ sung từ kinh phí tiết kiệm do Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại thực tế chi trả bình quân một tháng trong năm.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi

Chế độ chi tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công từ nguồn thu phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước. Thông tư này hướng dẫn thêm một số chế độ chi từ nguồn thu phí cho vay lại và phân trích phí bảo lãnh được để lại như sau:

1. Chi xây dựng, duy trì, nâng cấp cơ sở dữ liệu nợ công và các phần mềm phục vụ quản lý nợ công và quản lý viện trợ không hoàn lại; chi xây dựng, duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử về quản lý nợ công: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Chi xuất bản Bản tin nợ công và các ấn phẩm có liên quan đến công tác quản lý nợ công: Nội dung và mức chi theo quy định hiện hành về chế độ chi trả nhuận bút và áp dụng chế độ, định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự.

3. Chi trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác quản lý nợ công và quản lý viện trợ không hoàn lại: Thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành do nhà nước và Bộ Tài chính quy định.

4. Chi tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án, các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại; chi khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước: Thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Chi đào tạo ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho công chức của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại và Bộ Tài chính: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

6. Chi tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài cho các thành viên đoàn công tác nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

7. Đối với các nội dung chi đặc thù trong công tác quản lý nợ công và viện trợ không hoàn lại chưa được quy định trong các văn bản pháp luật của cơ quan có thẩm quyền: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại được vận dụng quyết định mức chi tương ứng với các công việc tương tự đã quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, nhưng không vượt quá mức chi đã quy định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan hoặc phải được Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại quyết định bằng văn bản trong trường hợp chưa được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và Cục trưởng chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 6. Sử dụng kinh phí tiết kiệm được

1. Xác định kinh phí tiết kiệm:

Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư này, phần chênh lệch giữa số chi thực tế thấp hơn phần dự toán kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ để thực hiện các nội dung chi quy định tại Điều 4 Thông tư này thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm, cụ thể như sau:

a) Chi các hoạt động tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 đã thực hiện xong đầy đủ nhiệm vụ, khối lượng theo dự toán được duyệt thì kinh phí chưa sử dụng hết là khoản kinh phí tiết kiệm;

b) Các hoạt động tăng cường hiệu quả công tác quản lý nợ công được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-

BTC-BNV ngày 30/5/2014, nếu không thực hiện nhiệm vụ đã giao hoặc không thực hiện đầy đủ số lượng, khối lượng công việc hoặc thực hiện không đảm bảo chất lượng thì không được xác định là kinh phí tiết kiệm, phải chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (bao gồm cả trường hợp công việc đang thực hiện dở dang) và được phân bổ vào kinh phí giao tự chủ của năm sau; đối với công việc đã thực hiện một phần thì được quyết toán phần kinh phí đã triển khai theo quy định.

2. Kinh phí tiết kiệm được (nếu có) được sử dụng cho các nội dung sau:

a) Chi bổ sung thu nhập cho công chức và người lao động.

Tổng mức chi bổ sung thu nhập cho công chức và người lao động từ nguồn kinh phí tiết kiệm sử dụng phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh nêu trên và từ nguồn kinh phí tiết kiệm được của đơn vị khi thực hiện chế độ tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 tối đa không vượt quá 1,0 lần quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ nhà nước quy định.

Cách xác định và chi trả thu nhập tăng thêm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014.

Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại quyết định việc phân phối các khoản bổ sung thu nhập đối với công chức và người lao động theo nguyên tắc công bằng, hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả, chất lượng hoàn thành công việc của từng cán bộ công chức và người lao động và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Chi khen thưởng, phúc lợi:

Tổng chi khen thưởng, phúc lợi tập thể tối đa không quá 03 tháng tiền lương thực tế bao gồm: Lương ngạch, bậc và các khoản phụ cấp lương, tiền công, khoản bổ sung tiền lương quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 4 Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 và thu nhập bổ sung từ kinh phí tiết kiệm do Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại thực tế chi trả bình quân trong năm.

Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật Thi đua khen thưởng.

Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể: Hỗ trợ các hoạt động đoàn thể; hỗ trợ các ngày lễ, tết, các ngày kỷ niệm (kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam, ngày thương binh liệt sỹ, ngày quân đội nhân dân, các ngày kỷ niệm khác), trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất; trợ cấp ăn trưa, chi đồng phục cho công chức và người lao động của cơ quan; trợ cấp hiếu, hỷ, thăm hỏi ốm đau; trợ cấp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; hỗ trợ cho công chức và người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế; chi khám sức khỏe định kỳ, thuốc y tế trong cơ quan; chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi.

c) Trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho công chức và người lao động: Mức trích đảm bảo số dư của Quỹ không quá 03 tháng tiền lương do

nhà nước quy định (lương ngạch, bậc và các khoản phụ cấp lương). Quỹ dự phòng ổn định thu nhập được sử dụng trong trường hợp kinh phí tiết kiệm được không đủ để đảm bảo ổn định thu nhập cho công chức và người lao động của Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

d) Số kinh phí tiết kiệm được còn lại (nếu có) sau khi đã sử dụng cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này được chuyển sang năm sau để sử dụng cho các nội dung chi quy định tại Điều 4 Thông tư này;

đ) Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại quyết định sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan.

Điều 7. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán

Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán số phí cho vay lại và phí bảo lãnh được để lại chi, thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn; Thông tư này hướng dẫn bổ sung một số nội dung trong công tác lập, chấp hành dự toán và quyết toán như sau:

1. Lập dự toán:

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại căn cứ tình hình thực hiện của năm hiện hành, khả năng thu, nhu cầu chi của năm kế hoạch để xây dựng dự toán thu, chi từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh, tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của Cục, gửi về Bộ Tài chính (quản lý ngành) để xem xét, cân đối chung theo nguyên tắc không trùng lặp nội dung chi được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và nội dung chi được đảm bảo từ nguồn kinh phí được sử dụng từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh và tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Phân bổ và giao dự toán:

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Tài chính (quản lý ngành) thực hiện giao dự toán thu, chi đối với Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (trong đó bao gồm dự toán thu, chi từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh).

3. Quản lý, sử dụng kinh phí: Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh phải đảm bảo đúng mục tiêu, yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016.

4. Điều hành thực hiện dự toán thu, chi:

a) Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại căn cứ vào các Hợp đồng cho vay lại và cam kết bảo lãnh, tổ chức việc thu phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh theo quy định, nộp vào Quỹ tích lũy trả nợ;

b) Định kỳ hàng tháng, trên cơ sở số phí cho vay lại, phần trích phí bảo lãnh thực tế thu được, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại xác định số Bộ Tài chính được trích theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, trong đó xác định số 40% để lại Quỹ tích lũy trả nợ và số 60% được sử dụng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 và hướng dẫn tại Thông tư này;

c) Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận và sử dụng số 60% phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại Bộ Tài chính nêu trên. Kho bạc nhà nước thực hiện theo dõi và kiểm soát chi cho các hoạt động của Cục từ tài khoản này theo đúng quy định hiện hành;

d) Điều chỉnh dự toán thu, chi phát sinh trong năm:

Trong năm trường hợp số thu không đạt dự kiến, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại chủ động điều chỉnh nhiệm vụ chi cho phù hợp.

Đối với những nhiệm vụ cấp bách, đột xuất phát sinh trong năm, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại chủ động sử dụng dự toán được giao (bao gồm dự toán được ngân sách nhà nước giao và dự toán từ nguồn phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại) để thực hiện. Trường hợp nhiệm vụ phát sinh lớn, không thể bố trí trong dự toán được giao để thực hiện, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại báo cáo Bộ Tài chính (quản lý ngành) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

đ) Sau khi kết thúc năm ngân sách, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại có trách nhiệm đối chiếu số liệu về phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh với các cơ quan cho vay lại và các chủ dự án để xác định số phí Bộ Tài chính được trích và số được sử dụng theo quy định;

e) Số kinh phí còn lại sau khi đã sử dụng cho các nội dung chi quy định tại Thông tư này được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

5. Thanh toán, quyết toán:

Việc thanh toán, quyết toán số phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh được để lại Bộ Tài chính thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với việc chi hỗ trợ hoạt động thẩm định và cấp ý kiến pháp lý quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 4 Thông tư này thực hiện như sau: Cơ quan chủ trì cấp ý kiến pháp lý ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại và nhận kinh phí từ Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại. Chứng từ lưu giữ tại đơn vị kế toán của Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại làm căn cứ quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước là: Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, xác nhận của Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại về sản phẩm đạt yêu cầu; các chứng từ chi cụ thể sẽ lưu giữ tại đơn vị kế toán trực tiếp chi tiêu (do các cơ quan chủ trì cấp ý kiến pháp lý lưu giữ).

6. Đối với số tiền thu được từ phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh (sau khi đã chuyển vào Quỹ tích lũy trả nợ theo quy định) chưa sử dụng hết (bao gồm cả số dư còn lại của quỹ dự phòng ổn định thu nhập) của giai đoạn thực hiện quản lý và sử dụng phí theo Quyết định số 46/2012/QĐ-TTg ngày 29/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ được tiếp tục sử dụng cho các nội dung chi quy định tại Quyết định số 05/2016/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 và quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2016 và thay thế Thông tư số 29/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ phí cho vay lại và phí bảo lãnh được trích tại Bộ Tài chính giai đoạn 2012-2015. Các nội dung quy định tại Thông tư này được áp dụng cho các năm ngân sách từ năm 2016 đến năm 2020.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Hàng năm, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại tổ chức đánh giá tình hình, kết quả quản lý sử dụng phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh tại Bộ Tài chính, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quý III năm 2020, Bộ Tài chính tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác quản sử dụng phí tại Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, trên cơ sở đó phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cơ chế quản lý sử dụng phí cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh của giai đoạn tiếp theo.

4. Đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại thực hiện theo cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (150b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải